

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH TRẠNG TÁI NGHÈO CỦA HỘ GIA ĐÌNH (TRƯỜNG HỢP HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP)

NGUYỄN MINH HÀ  
LÊ THÀNH CÔNG  
NGUYỄN HỮU TỊNH

## TÓM TẮT

*Bài viết xác định những yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo của hộ gia đình ở nông thôn và gợi ý các chính sách xóa đói giảm nghèo bền vững, đặc biệt giảm tình trạng tái nghèo. Dữ liệu nghiên cứu là bộ dữ liệu điều tra phỏng vấn trực tiếp 337 hộ gia đình thoát nghèo trước đây tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vào cuối năm 2011. Kết quả nghiên cứu đã nhận diện được 6 yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo của hộ gia đình ở nông thôn: Tuổi chủ hộ, tình trạng việc làm của chủ hộ, số người phụ thuộc trong hộ, diện tích đất sản xuất bình quân đầu người trong hộ, tín dụng của hộ và hỗ trợ của hộ gia đình.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

---

Nguyễn Minh Hà. Tiến sĩ. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Thành Công. Thạc sĩ. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Hữu Tịnh. Thạc sĩ. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài: *Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tái nghèo tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp*. Chủ nhiệm đề tài Lê Thành Công. Cơ quan chủ trì Ủy ban Nhân Dân huyện Châu Thành.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo tại các địa phương, mỗi năm Nhà nước luôn dành một phần không nhỏ ngân sách để chăm lo đời sống cho người nghèo và tìm nhiều phương cách giúp họ thoát nghèo. Nhờ vậy, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đều giảm, nhưng thực tế vẫn còn xảy ra tình trạng nhiều hộ đã thoát nghèo nhưng sau một thời gian lại nghèo trở lại, gọi là hộ tái nghèo. Đây là một khó khăn cho các nhà quản lý địa phương. Do đó, cần biết nhân tố dẫn đến tình trạng tái nghèo của các hộ gia đình, mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình trạng tái nghèo ra sao, chính quyền địa phương cần thực thi những chính sách gì để các hộ gia đình thoát nghèo.

Đồng Tháp là một tỉnh nông nghiệp, sản xuất nhiều lương thực và các loại nông, thủy sản có giá trị xuất khẩu. Chính quyền xem giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm nên có sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ trong công tác xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh vẫn còn khá cao.

Nghiên cứu này nhằm tìm ra các yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo và gợi ý các

chính sách nhằm hạn chế tình trạng tái nghèo ở tỉnh.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN

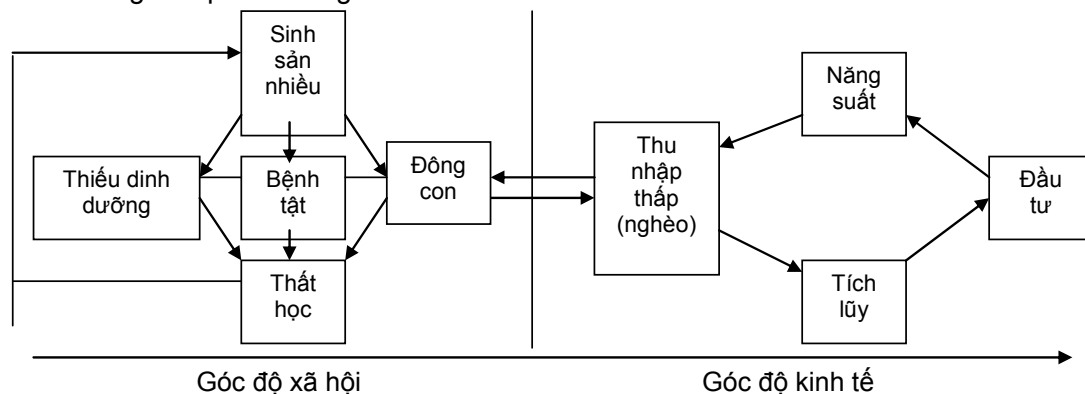
Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo áp dụng cho Việt Nam giai đoạn 2006-2010. Theo đó, tại khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân 200.000 đồng/người/tháng trở xuống (tương đương 2.400.000 đồng/năm) là hộ nghèo; tại khu vực thành thị những hộ có mức thu nhập bình quân 260.000 đồng/người/tháng trở xuống (tương đương 3.120.000 đồng/năm) là hộ nghèo. Theo Chính phủ (2011), tái nghèo là tình trạng một hộ gia đình đã thoát nghèo quay trở lại hộ nghèo trong một thời gian nhất định. Trong những năm qua, mặc dù đã thực hiện có hiệu quả nhiều chính sách giảm nghèo nhưng kết quả chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo hàng năm còn cao. Chính phủ cũng đã chỉ ra nguyên nhân của tình trạng tái nghèo là một số chương trình, chính sách giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt

chẽ; cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, việc tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số nơi chưa sâu sát. Ngoài ra, một bộ phận người nghèo còn tâm lý ỷ lại, chưa tích cực, chủ động vươn lên thoát nghèo.

Các nguyên nhân khác dẫn đến tái nghèo là những tác động từ biến động tình hình kinh tế-xã hội (thiên tai, dịch bệnh, lạm phát...) và những biến động trong chính gia đình (bệnh tật, thay đổi công việc...) làm người nghèo rơi vào tình hình khó khăn hơn. Đây là lý do làm phát sinh hộ tái nghèo và gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Bên cạnh đó, suy thoái kinh tế toàn cầu đang đe dọa đến việc thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo toàn cầu. Việt Nam nằm trong nhóm những nước có nguy cơ rủi ro cao nhất về tình trạng tái nghèo.

Hình 1 mô tả *vòng lẩn quẩn của nghèo*. Về góc độ xã hội, những gia đình nghèo thường kém hiểu biết, sinh con đông. Do đông con nên thường bệnh tật và không có đủ tiền cho con cái ăn học nên dẫn đến tình trạng thất học. Tình trạng thất học dẫn đến kém hiểu biết, thiếu kiến thức về kế hoạch hóa gia đình. Do thiếu hiểu biết nên

Hình 1. Vòng lẩn quẩn của nghèo



Nguồn: Rao và Chopra (1991).

thường sinh con đông,... Về góc độ kinh tế, những hộ nghèo là những hộ có thu nhập thấp. Vì thu nhập thấp nên hộ gia đình có mức tích lũy và đầu tư thấp. Do tích lũy thấp và đầu tư thấp nên hộ gia đình không có khả năng đầu tư thâm canh tăng năng suất nên năng suất thấp. Vì năng suất thấp nên thu nhập của hộ gia đình thấp,... Cứ tiếp tục như thế, vòng lẩn quẩn của nghèo đói sẽ làm cho các hộ gia đình từ nghèo, thoát nghèo rồi quay trở lại nghèo.

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic như sau:

$$Y = f(\text{TUOI\_CH, N\_NGHIEP, GIOI\_TINH, HOC\_VAN, VIEC\_LAM, QUYMO\_HO, PHU\_THUOC, DT\_DATSX, Y\_CHI, TIN\_DUNG, HO\_TRO, DAO\_TAO})$$

Y: Là biến dummy, chỉ tình trạng tái nghèo của hộ gia đình, nhận giá trị 1 nếu là hộ tái nghèo và nhận giá trị 0 nếu là hộ không tái nghèo. Các biến độc lập có khả năng tác động đến tái nghèo gồm: TUOI\_CH: Là tuổi của chủ hộ. N\_NGHIỆP: Nếu làm nông nghiệp nhận giá trị 1 và phi nông nghiệp nhận giá trị 0. GIOI\_TINH\_CH: Nếu chủ hộ là nam giới nhận giá trị 1 và nữ giới nhận giá trị 0. HOC\_VAN: Là trình độ học vấn của chủ hộ. VIEC\_LAM: Biến này nhận giá trị 1 nếu chủ hộ đang có việc làm ổn định, ngược lại nhận giá trị 0. QUYMO\_HO: Là số nhân khẩu của hộ, không bao gồm người làm thuê, người ở tạm thời và người ở nhờ. PHU\_THUOC: Là số người lệ thuộc trong hộ. DT\_DATSX: Là diện tích đất bình quân trên đầu người của hộ tính theo m<sup>2</sup>. Y\_CHI: Nếu hộ có ý chí, nghị lực vươn lên

thoát nghèo nhận giá trị 1, ngược lại nhận giá trị 0. TIN\_DUNG: Số tiền vay bình quân/năm từ Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc vay từ các tổ chức hội đoàn thể từ lúc hộ thoát nghèo đến thời điểm điều tra. HO\_TRO: Là tổng số tiền nhận hỗ trợ của Nhà nước bình quân/năm, qua các chính sách xã hội từ lúc hộ thoát nghèo đến thời điểm điều tra. DAO\_TAO: Là số lao động trong hộ được Nhà nước đào tạo hoặc được giải quyết việc làm bình quân/năm.

#### 3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Số liệu chính để phân tích là số liệu sơ cấp từ cuộc điều tra phỏng vấn trực tiếp 337 hộ đã thoát nghèo từ năm 2006 đến cuối năm 2011 trên địa bàn 11 xã 1 thị trấn của huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Số liệu thứ cấp là các báo cáo, các nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp của tỉnh Đồng Tháp.

### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua số liệu điều tra 337 hộ thoát nghèo từ năm 2006 thì có 105 hộ quay trở lại hộ nghèo, tức tái nghèo, tỷ lệ tái nghèo là 31,16%, đây là một tỷ lệ khá cao nếu tính trên tổng số hộ vừa thoát nghèo của huyện. Theo các báo cáo về xóa đói, giảm nghèo của huyện Châu Thành và của tỉnh Đồng Tháp, đến nay địa phương chưa có thống kê điều tra những hộ tái nghèo.

#### 4.1. Một số yếu tố khác biệt giữa nhóm hộ tái nghèo và nhóm hộ thoát nghèo

Bảng 1 cho thấy giữa nhóm hộ tái nghèo và nhóm hộ thoát nghèo có những đặc điểm khác biệt cơ bản về quy mô hộ, về số người phụ thuộc trong hộ, diện tích đất sản xuất bình quân đầu người, số tiền vay từ các tổ chức tín dụng và số tiền hỗ trợ mà các hộ gia đình nhận được.

Bảng 1. Những yếu tố khác biệt cơ bản giữa nhóm hộ thoát nghèo và hộ tái nghèo

Nhóm hộ	Quy mô hộ	Số người phụ thuộc	Diện tích đất sản xuất bình quân (m <sup>2</sup> /hộ)	Vốn vay (triệu đồng/hộ)	Hỗ trợ (triệu đồng/hộ)
Tái nghèo	3,97	2,35	625	2,895	1,467
Thoát nghèo	3,93	1,65	1.491	2,108	0,557
Tổng thể	3,94	1,86	1.134	2,353	0,840

Nguồn: Điều tra thực tế tại tỉnh Đồng Tháp, 2011.

Trong 337 hộ gia đình trong mẫu điều tra, có bình quân 3,94 nhân khẩu/hộ. Nhóm hộ tái nghèo có số nhân khẩu bình quân là 3,97 người và nhóm hộ thoát nghèo là 3,93 người/hộ. Hộ càng có nhiều nhân khẩu thì khả năng tái nghèo cao hơn hộ có ít nhân khẩu, số thành viên của hộ gia đình càng cao thì mức chi tiêu bình quân đầu người càng thấp, tỷ lệ người phụ thuộc càng cao nên khả năng tái nghèo của hộ càng cao. Điều này là do thu nhập của hộ gia đình được tạo ra từ một số lao động chính nhưng phải trang trải chi tiêu cho tất cả các thành viên còn lại của gia đình.

Theo kết quả điều tra, trong tổng 1.329 nhân khẩu của 337 hộ có 630 người phụ thuộc. Nhóm hộ tái nghèo có số người phụ thuộc là 2,35 người, nhóm hộ thoát nghèo là 1,65 người và trong tổng thể là 1,86 người/hộ. Tỷ lệ người phụ thuộc chung của mẫu điều tra là 47,4%.

Diện tích đất bình quân tính theo hộ là 1.134,45m<sup>2</sup>/hộ, diện tích đất bình quân tính theo nhân khẩu là 287,67m<sup>2</sup>/nhân khẩu. Nhóm hộ tái nghèo có diện tích đất sản xuất bình quân là 625m<sup>2</sup>/hộ, nhóm hộ thoát nghèo là 1.491m<sup>2</sup>/hộ.

Số tiền vay bình quân trong mẫu điều tra là 2,353 triệu đồng/hộ. Số tiền vay bình quân của nhóm hộ tái nghèo là 2,895 triệu đồng/hộ, nhóm hộ thoát nghèo là 2,108 triệu

đồng/hộ. Thực tế là những hộ được vay vốn từ các tổ chức tín dụng là những hộ thuộc đối tượng hộ nghèo, các hộ đã thoát nghèo thì không thuộc đối tượng thụ hưởng những nguồn vốn vay ưu đãi này. Nguồn tín dụng chủ yếu từ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện thông qua các đoàn thể của huyện và xã, do Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn bảo lãnh. Qua điều tra, các hộ hầu như không vay tín dụng từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vì đa số các hộ này là nghèo hoặc mới thoát nghèo nên không có nhiều tài sản để thế chấp khi vay vốn ngân hàng.

Số tiền hỗ trợ bình quân/năm trong mẫu điều tra là 850.534đồng/hộ. Nhóm hộ tái nghèo nhận được số tiền hỗ trợ bình quân là 1,467 triệu đồng/hộ và nhóm hộ thoát nghèo là 0,557 triệu đồng/hộ. Điều tra thực tế cho thấy các hộ nghèo thường được thụ hưởng những chính sách hỗ trợ của Nhà nước như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, cứu đói,... nên những hộ có mức hỗ trợ cao hơn thường rơi vào diện hộ nghèo, các nguồn hỗ trợ này chỉ dành cho các hộ nghèo, cận nghèo.

## 4.2. Kết quả phân tích mô hình hồi quy Binary Logistic

### 4.2.1. Kiểm định tổng quát mô hình nghiên cứu

Bảng 2. Kết quả hồi quy Binary Logistic của mô hình

Các biến độc lập	Hệ số Beta (B)	Exp (B)	Std. Errors	Sig.
Tuổi chủ hộ	-0,030**	0,970	0,012	0,015
Nghề nghiệp chủ hộ	0,192	1,211	0,322	0,552
Giới tính chủ hộ	-0,432	0,649	0,338	0,202
Trình độ học vấn chủ hộ	-0,119	0,888	0,305	0,696
Tình trạng việc làm chủ hộ	-2,277***	0,103	0,363	0,000
Quy mô hộ gia đình	-0,153	0,859	0,125	0,223
Số người phụ thuộc	1,869***	6,485	0,670	0,005
Diện tích đất sản xuất bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	-0,001**	0,999	0,001	0,032
Ý chí	0,060	1,061	0,392	0,879
Tín dụng	0,061*	1,063	0,036	0,088
Hỗ trợ	0,296***	1,344	0,098	0,003
Đào tạo	0,388	1,475	0,371	0,295
Hằng số	2,000	7,389	1,238	0,106
Số quan sát	337			
Wald Chi-square	126,315			
-2 Log Likelihood	291,803 <sup>a</sup>			
Hệ số Cox & Snell R Square	0,313			
Hệ số Nagelkerke R Square	0,440			

Ghi chú: (\*\*\*): mức ý nghĩa thống kê 1%; (\*\*): mức ý nghĩa thống kê 5%; (\*): mức ý nghĩa thống kê 10%.

Bảng 2 cho thấy giá trị  $-2LL = 291,803^a$  là không cao, thể hiện mức độ phù hợp tốt của mô hình tổng thể. Hệ số tương quan Cox & Snell R Square đạt 0,313, trong khi hệ số tương quan Nagelkerke R Square đạt tới 0,440 cho thấy 44% sự thay đổi của tình trạng tái nghèo được giải thích bởi sự thay đổi của các biến trong mô hình.

#### 4.2.2. Kết quả phân tích các biến của mô hình nghiên cứu

Theo kết quả tại Bảng 2, có 6 biến tác động đến xác suất rơi vào hộ tái nghèo có ý nghĩa thống kê, gồm biến tình trạng việc làm của chủ hộ, số người phụ thuộc trong

hộ và số tiền hỗ trợ của hộ, diện tích đất sản xuất bình quân, tuổi chủ hộ, và tín dụng của hộ gia đình. Các biến không có ý nghĩa thống kê là: Nghề nghiệp chủ hộ, giới tính chủ hộ, trình độ học vấn chủ hộ, ý chí của chủ hộ và đào tạo của hộ gia đình.

Giải thích các biến có ý nghĩa như sau:

*Tuổi của chủ hộ.* Biến này có ý nghĩa thống kê và mang dấu (-), tức quan hệ nghịch biến với biến phụ thuộc. Theo kết quả các nghiên cứu trước về tình trạng nghèo, tuổi của chủ hộ càng cao thì thu nhập của hộ gia đình càng thấp, dẫn đến khả năng nghèo của chủ hộ càng cao và

ngược lại. Chủ hộ đóng vai trò quan trọng nếu không muốn nói là yếu tố quyết định, để tạo thu nhập cho hộ gia đình. Chủ hộ càng trẻ thì sức khỏe càng cao, năng suất lao động cao hơn những người lớn tuổi nên tạo ra thu nhập nhiều hơn. Ngoài ra người trẻ tuổi sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với những việc làm phi nông nghiệp, có thu nhập cao và ổn định hơn lao động lớn tuổi. Tuy nhiên, theo tìm hiểu tại địa bàn nghiên cứu, những hộ mà chủ hộ trẻ tuổi là những hộ mới tách hộ, sau khi lập gia đình. Mặt khác, những hộ trong mẫu điều tra là những hộ mới vừa thoát nghèo trong những năm vừa qua, trong đó có một số hộ tái nghèo và còn lại là những hộ cận nghèo hoặc không nghèo, nhưng phần lớn những hộ này vẫn còn khó khăn về kinh tế, thu nhập không ổn định. Những hộ mới tách hộ, thì phần lớn cũng gặp nhiều khó khăn trong những buổi đầu lập thân, lập nghiệp, khả năng những hộ này rơi vào diện nghèo hoặc tái nghèo là rất cao. Vì vậy, tuổi chủ hộ càng trẻ thì khả năng hộ rơi vào diện tái nghèo càng cao và ngược lại.

*Tình trạng việc làm của chủ hộ.* Biến này có ý nghĩa thống kê và mang dấu âm (-), tức quan hệ nghịch biến với biến phụ thuộc. Trong khi các điều kiện khác không thay đổi, chủ hộ có việc làm ổn định thì xác suất rơi vào diện hộ tái nghèo thấp hơn hộ gia đình có chủ hộ không có việc làm ổn định hoặc thất nghiệp. Theo phân tích thống kê, nhóm hộ mà chủ hộ có việc làm ổn định thì tỷ lệ hộ tái nghèo là 15,68% và nhóm hộ mà chủ hộ không có việc làm ổn định hoặc thất nghiệp thì tỷ lệ tái nghèo là 67,33%, cao gấp 4,3 lần so với nhóm hộ

mà chủ hộ có việc làm ổn định. Như vậy, tình trạng việc làm của chủ hộ là yếu tố quan trọng trong việc giảm tái nghèo.

*Số người phụ thuộc.* Biến này có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương (+), quan hệ đồng biến với biến phụ thuộc. Theo Nguyễn Trọng Hoài (2007), người phụ thuộc là người không tham gia lao động tạo ra thu nhập cho hộ gia đình. Người phụ thuộc càng cao đồng nghĩa với việc có nhiều người ăn hơn nhưng lại có ít lao động hơn. Điều này khiến các thành viên có lao động phải chịu gánh nặng ngân sách gia đình lớn hơn. Như vậy, số người lệ thuộc trong hộ gia đình có tác động đến tình trạng tái nghèo của hộ gia đình.

*Diện tích đất sản xuất bình quân đầu người.* Biến này có ý nghĩa thống kê và mang dấu âm (-), quan hệ nghịch biến với biến phụ thuộc. Đất sản xuất là tư liệu sản xuất quan trọng nhất trong nông nghiệp, nhất là ngành trồng trọt để tạo thu nhập cho hộ gia đình. Hộ gia đình thiếu đất sản xuất, nếu muốn tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình thì phải thuê đất, phải đi làm thuê hoặc chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp khác. Vì vậy, đất sản xuất là tư liệu sản xuất cơ bản, cần thiết để tạo ra thu nhập cho hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp, nhất là ngành trồng trọt. Theo Bùi Quang Minh (2008), quy mô đất bình quân của hộ gia đình là một trong hai yếu tố tác động đến tình trạng nghèo của hộ gia đình tại tỉnh Bình Phước. Như vậy, diện tích đất sản xuất bình quân đầu người có tác động đến xác suất rơi vào diện hộ tái nghèo của những hộ gia đình thoát nghèo tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

*Tín dụng.* Biến này có ý nghĩa thống kê và có dấu dương (+), quan hệ đồng biến với biến phụ thuộc. Theo Nguyễn Trọng Hoài (2007), người nghèo thường bị hạn chế trong việc tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của Chính phủ, trong khi nguồn tín dụng phi chính thức ít giúp cho hộ gia đình thoát nghèo. Hiện nay, có nhiều nguồn tín dụng giúp cho người nghèo thoát nghèo thông qua các chương trình, dự án quốc gia về xóa đói giảm nghèo, nhưng vẫn còn rất nhiều người nghèo không thể tiếp cận các nguồn tín dụng này. Kết quả hồi quy cho thấy biến tín dụng đồng biến với biến phụ thuộc, nghĩa là các hộ càng vay được nhiều nguồn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc vốn vay ưu đãi từ các hội đoàn thể thì khả năng rơi vào diện hộ tái nghèo càng cao. Điều này có thể giải thích rằng hầu hết các hộ trong mẫu điều tra là những hộ mới vừa thoát nghèo trong những năm vừa qua, trong đó có những hộ tái nghèo và những hộ thoát nghèo. Những hộ này đều có tài sản tương đối nhỏ, nên họ không thể vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc các ngân hàng thương mại đóng trên địa bàn, do không có tài sản thế chấp. Vì vậy, các hộ gia đình chỉ vay vốn chủ yếu từ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện hoặc vay từ các đoàn thể qua các chương trình dự án xóa đói giảm nghèo mà đối tượng thụ hưởng các nguồn vốn này chủ yếu là hộ nghèo. Bên cạnh đó, khoản vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện hoặc vay từ các đoàn thể là tương đối nhỏ, không thể giúp họ thoát nghèo bền vững.

*Hỗ trợ.* Biến này có ý nghĩa thống kê và mang dấu dương (+), quan hệ đồng biến với biến phụ thuộc. Theo số liệu phân tích

thống kê mô tả, nhóm hộ có mức hỗ trợ bình quân/năm từ 1 triệu đồng trở xuống có tỷ lệ tái nghèo là 19,91%, mức hỗ trợ từ 1 triệu đến 2 triệu đồng có tỷ lệ tái nghèo là 50,88% và nhóm hộ có mức hỗ trợ bình quân trên 2 triệu đồng có tỷ lệ tái nghèo là 61,22%. Nhóm hộ càng nhận được nhiều hỗ trợ thì tỷ lệ tái nghèo càng cao và ngược lại. Kết quả phân tích thống kê mô tả và kết quả hồi quy cho thấy biến hỗ trợ quan hệ đồng biến với biến phụ thuộc, nghĩa là các hộ càng nhận được nhiều sự hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước và từ cộng đồng thì khả năng rơi vào diện hộ tái nghèo càng cao và ngược lại vì do hầu hết các hộ trong mẫu điều tra là những hộ mới vừa thoát nghèo hoặc là còn nghèo trong những năm qua, nên các hộ nghèo là những hộ được sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền và đoàn thể. Họ được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước như hỗ trợ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí cho học sinh và các chính sách hỗ trợ khác.

## 5. KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ KẾT LUẬN

### 5.1. Kiến nghị chính sách

*Về tạo công ăn việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp.* Quản lý sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay hỗ trợ việc làm, tổ chức xét duyệt đúng đối tượng giải ngân cho các dự án, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và phát huy hiệu quả vốn vay, thu hút nhiều lao động tham gia nhằm giải quyết việc làm. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; tập trung cho công tác đào tạo nghề gắn với thị trường lao động; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, mở rộng các hình thức đào tạo nghề, liên kết, liên thông đào tạo,

khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng cơ sở dạy nghề, tập trung dạy nghề nông thôn cho người lao động, nhất là người nghèo, cận nghèo và hộ mới tái nghèo. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động, mở rộng đầu tư phát triển sản xuất và ưu tiên tuyển dụng lao động là con em của các hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo.

*Về tuổi của chủ hộ.* Cần quan tâm đến những hộ gia đình mới tách hộ từ những hộ nghèo, hoặc những hộ mới thoát nghèo. Có chính sách tuyên truyền, vận động, tạo sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên nông thôn nhất là những vùng sâu, vùng xa nhằm giúp họ không kết hôn quá sớm, hạn chế tình trạng tảo hôn nhằm giúp thanh niên chỉ kết hôn khi có nghề nghiệp ổn định, có tích lũy vốn để mưu sinh nuôi sống bản thân và gia đình sau khi lập gia đình.

*Về quy mô hộ gia đình và số người phụ thuộc.* Thông qua công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao vai trò và nhận thức của phụ nữ, giúp họ có quyền bình đẳng trong gia đình để hạn chế phải sinh con thứ ba trở lên hoặc kéo dài thời gian giữa 02 lần sinh con. Tích cực vận động và khuyến khích phụ nữ tham gia các hoạt động hội đoàn thể, nhất là Hội Liên hiệp Phụ nữ, để họ trao đổi, học hỏi nhau kiến thức về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, kiến thức nuôi dạy con, học hỏi cách làm kinh tế gia đình,...

*Về diện tích đất sản xuất bình quân.* Giáo dục, tuyên truyền, động viên các hộ nghèo, cận nghèo hạn chế tình trạng sang nhượng hoặc cầm cố đất đai. Nên chăng,

các hộ nghèo có ít đất sản xuất, thiếu vốn và vốn đầu tư liên kết với nhau góp vốn bằng quỹ đất (nếu đất liền kề) để cùng sản xuất, cùng thoát nghèo bền vững. Trong điều kiện không thể tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được nữa thì chuyển dịch lực lượng lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và thương mại, dịch vụ sẽ làm cho diện tích đất sản xuất bình quân đầu người tăng lên. Bên cạnh đó, cần quan tâm các biện pháp thâm canh, tăng năng suất nhằm làm tăng sản lượng trên một đơn vị diện tích và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

*Về tín dụng.* Cần nâng cao năng lực và cải tiến hoạt động của hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội; xây dựng các quỹ tín dụng nhân dân tại các xã và thị trấn khi có điều kiện; tiếp tục cải cách các thủ tục cho vay để giảm bớt phiền hà cho khách hàng, nâng cao chất lượng phục vụ. Cán bộ tín dụng, cán bộ hội viên các tổ chức xã hội phải thẩm định được mục đích vay, cách sử dụng vốn, giám sát hiệu quả sử dụng vốn. Tăng nguồn vốn cho vay trung và dài hạn nhằm hỗ trợ các mục tiêu đầu tư chiều sâu và dài hạn của nhân dân.

*Về hỗ trợ hộ gia đình.* Cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo như miễn giảm học phí, bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cứu trợ, cứu đói,... nhằm giúp cho người nghèo từng bước ổn định cuộc sống và vươn lên thoát nghèo. Cán bộ thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo ở cơ sở phải nắm chắc các hộ vừa thoát nghèo, thường xuyên theo dõi hỗ trợ, hướng dẫn họ phương cách làm ăn, giúp

họ thoát nghèo bền vững. Cần có những chính sách khuyến khích cộng đồng dân cư, thôn xóm đề cao trách nhiệm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo và thoát nghèo trên tinh thần “*tương thân tương ái*”, “*lá lành đùm lá rách*” với những hình thức hỗ trợ phong phú như cho mượn tư liệu sản xuất, hỗ trợ vốn, giúp nhân công, liên kết đất sản xuất, nhằm giúp cho các hộ này hòa nhập với cộng đồng, phát triển sản xuất, tạo thu nhập và thoát nghèo bền vững. Nhà nước nên chuyển những hình thức trợ cấp thường xuyên sang các hình thức đào tạo nghề và khuyến khích người nghèo học nghề để tự họ thoát nghèo.

## 5.2. Kết luận

Kết quả nghiên cứu tình trạng tái nghèo tại tỉnh Đồng Tháp cho thấy có 6 yếu tố tác động đến tình trạng tái nghèo với mức tác động của từng yếu tố khác nhau như sau: *Tuổi của chủ hộ, tình trạng việc làm của chủ hộ, số người phụ thuộc của hộ gia đình, diện tích đất sản xuất bình quân/người của hộ, vốn vay tín dụng của hộ và hỗ trợ của chính quyền đối với hộ gia đình*. Từ kết quả này, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm thực thi các chính sách giảm nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và thoát nghèo bền vững của tỉnh Đồng Tháp. Mặc dù nghiên cứu này chưa được toàn diện và còn những hạn chế nhất định, nhưng đây là kết quả phản ánh khách quan về thực trạng, nguyên nhân của tình trạng tái nghèo tại tỉnh Đồng Tháp. Mong rằng địa phương sớm xem xét áp dụng các gợi ý chính sách đã nêu ra trong nghiên cứu nhằm thực hiện chính sách giảm nghèo một cách bền vững. Đồng thời

tỉnh cũng cần chỉ đạo các cơ quan hữu quan nghiên cứu tiếp những nguyên nhân khác chưa được chỉ ra trong nghiên cứu này có thể tác động đến tình trạng tái nghèo. Hy vọng rằng kết quả nghiên cứu này sẽ góp một phần nhỏ vào mục tiêu giảm nghèo của tỉnh nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đưa kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2011-2015 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp.
2. Bộ Ngoại giao. 2009. *The World & Việt Nam Report: Nguyên nhân tái nghèo*.
3. Chính phủ. 2011. *Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 về quy định chuẩn hộ nghèo và cận nghèo giai đoạn 2011-2015*.
4. Chính phủ. 2011. *Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020*.
5. Nguyễn Trọng Hoài. 2007. *Kinh tế phát triển*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
6. Thủ tướng Chính phủ. 2005. *Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 về ban hành chuẩn hộ nghèo trong giai đoạn 2005-2010*.
7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. 2011. *Báo cáo kết quả tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2015*.
8. World Bank. 2010. *Việt Nam có nguy cơ tái nghèo do suy thoái toàn cầu*. <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2009/02/3ba0b544/>.